

Bản án số: 36/2024/KDTM-ST.

Ngày: 23/8/2024.

V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kiên Hiền

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Nhật Vi Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị
Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh Thương mại thụ lý số 231/2023/TLST-KDTM ngày 26 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 250/2024/QĐST- HPT ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần X.

Trụ sở: Tòa nhà H, số X, phường T, Quận M, Thành phố H.

Có ông Thái Xuân T là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 07/12/2023.

Bị đơn: Công ty TNHH Dịch vụ - Du lịch V.

Địa chỉ: 240 L, Phường C, Quận A, Thành phố H.

(Ông T có mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 07/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty cổ phần X có ông Thái Xuân T là đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 07/12/2018, Công ty Cổ phần X và Công ty TNHH Dịch vụ - Du lịch V đã ký kết Hợp đồng dịch vụ số 266/2018-VG/VIETSUN (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”). Nội dung của Hợp đồng có quy định, Công ty cung cấp hệ thống/ dịch vụ gửi tin nhắn cho V. Thực hiện Hợp đồng, Công ty đã triển khai các công việc/ dịch vụ, trong đó: Công ty đã hoàn thành dịch vụ gửi tin nhắn cho V để phục vụ cho chương trình tour “Paris by Night” với tổng chi phí phát sinh của tháng 10, tháng 11 và tháng 12 của năm 2019 là: 109.073.734 đồng. Căn cứ quy định của Hợp đồng, Công ty đã thực hiện hoàn tất nghĩa vụ của mình và trách nhiệm của V phải thanh toán trong thời hạn tối đa là 30 ngày (kể cả ngày lễ, thứ 7 và chủ nhật) kể từ ngày cuối cùng phát sinh chi phí. Tuy nhiên, V chỉ thông báo qua email (thư điện tử) là do đối nhận sự nên việc thanh toán bị chậm lại và sau đó không có phản hồi thêm về lịch thanh toán (email ngày 24/12/2019). Sau nhiều lần liên lạc qua lại, đến tháng 07 năm 2020, đại diện V đã đến văn phòng của V tại 240 L, Phường C, Quận A, TP. H để trao đổi về công nợ. Tuy

nhiên, với lý do tình trạng dịch COVID-19 chưa ổn định/ kiểm soát được nên V còn gặp khó khăn và chưa thể chi trả khoản công nợ này cho Công ty. Sau buổi làm việc này, đại diện phía V là ông Võ Thiện H – Phòng hành chính của V đã có trả lời email của Công ty là sẽ làm “Biên bản thỏa thuận thanh toán hàng tháng” có chữ ký, dấu mộc của Giám đốc V và sẽ gửi cho Công ty kèm giấy tờ xác nhận công nợ. Nhưng sau đó là sự im lặng từ phía V; theo đó, Công ty chưa nhận được bất kỳ Biên bản hay phản hồi nào từ V nữa cũng như động thái thanh toán số tiền còn nợ của Công ty. Công ty vẫn tiếp tục tương tác, nhắc nhở thì đến tháng 01 năm 2021, ông Võ Thiện H đã email phản hồi lại cho Công ty rằng V vẫn đang còn phải chịu các khó khăn từ dịch COVID-19 và hứa sẽ chi trả các khoản thanh toán sau đợt dịch vào năm 2022. Đến năm 2022, V lại tạm ngưng hoạt động nhưng không thông báo, Công ty không có cách nào liên hệ để thu hồi công nợ. Tiếp tục đeo bám đến tháng 05/2023, sau khi xác nhận V đã hoạt động lại bình thường, Công ty đã email liên hệ cũng như đến trực tiếp văn phòng V tại 240 L, Phường C, Quận A, TP H để thu hồi số tiền V còn nợ. Tuy nhiên, V đã thay đổi nhân sự cũ, người nắm tình hình công nợ cũ là bà Nguyễn Thu T - Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của V – lại cố tình tránh mặt; Công ty đã nhiều lần liên hệ, từ tháng 05/2023 đến tháng 10/2023, nhưng bà T không có động thái thương lượng hay trao đổi nào liên quan đến số tiền V còn nợ Công ty. Vào ngày 23/10/2023, Công ty có gửi văn bản lần cuối đến V nhằm tìm kiếm sự hữu hảo, thương lượng giải quyết số tiền V còn nợ (như bảng tính bên dưới) nhưng phía V vẫn kiên quyết im lặng. Xét thấy, quá trình hợp tác, V1 đã tuân thủ quy định của Hợp đồng nhưng V lại vi phạm trong một thời gian dài, gây ảnh hưởng nặng nề cho hoạt động của V1. Buộc lòng V1 phải khởi kiện để pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Nay Công ty Cổ phần X đề nghị Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xem xét tuyên: Buộc Công ty TNHH Dịch vụ - Du lịch V thanh toán một lần và toàn bộ số tiền 138.771.390 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn ba trăm chín mươi đồng), trong đó: 109.073.734 đồng là số tiền nợ gốc, 29.697.656 đồng là số tiền lãi đối với số nợ quá hạn. Thời gian thanh toán: Ngay khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH Dịch vụ - Du lịch V và Người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị Thu T đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn không có mặt theo triệu tập nên Tòa án không ghi nhận được lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Buộc Công ty TNHH Dịch vụ - Du lịch V thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ là 138.771.390 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn ba trăm chín mươi đồng), trong đó: 109.073.734 đồng là số tiền nợ gốc, 29.697.656 đồng là số tiền lãi đối với số tiền nợ gốc quá hạn. Thời gian thanh toán: Ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH Dịch vụ - Du lịch V vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Thư ký là đúng thủ tục tố tụng quy định. Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định

của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn Công ty Cổ phần Xích Việt có ký Hợp đồng dịch vụ số 266/2018-VG/VIETSUN với bị đơn là Công ty TNHH Dịch vụ - Du lịch V liên quan đến hợp đồng cung cấp dịch vụ, đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên xác định là tranh chấp về kinh doanh thương mại. Tại thời điểm khởi kiện, theo Công văn trả lời xác minh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H thì bị đơn còn hoạt động có trụ sở chính tại 240 L, Phường C, Quận A, Thành phố H. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án Kinh doanh thương mại “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn Công ty TNHH Dịch vụ - Du lịch V đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH Dịch vụ - Du lịch V.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định:

Ngày 07/12/2018, nguyên đơn Công ty Cổ phần X và bị đơn Công ty TNHH Dịch vụ - Du lịch V đã ký kết Hợp đồng dịch vụ số 266/2018-VG/VIETSUN (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”).

Nội dung của Hợp đồng có quy định, nguyên đơn cung cấp hệ thống dịch vụ gửi tin nhắn cho V. Thực hiện Hợp đồng, nguyên đơn đã triển khai các công việc dịch vụ, trong đó: Nguyên đơn đã hoàn thành dịch vụ gửi tin nhắn cho V để phục vụ cho chương trình tour “Paris by Night” với tổng chi phí phát sinh của tháng 10, tháng 11 và tháng 12 của năm 2019 là: 109.073.734 đồng.

Căn cứ quy định của Hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện hoàn tất nghĩa vụ của mình và trách nhiệm của bị đơn phải thanh toán trong thời hạn tối đa là 30 ngày (kể cả ngày lễ, thứ 7 và chủ nhật) kể từ ngày cuối cùng phát sinh chi phí. Tuy nhiên, bị đơn chỉ thông báo qua email (thư điện tử) là do đối nhân sự nên việc thanh toán bị chậm lại và sau đó không có phản hồi thêm về lịch thanh toán (email ngày 24/12/2019).

Sau nhiều lần liên lạc qua lại, đến tháng 07 năm 2020, nguyên đơn đã đến văn phòng của bị đơn tại số 240 L, Phường C, Quận A, TP. H để trao đổi về công nợ. Tuy nhiên, với lý do tình trạng dịch COVID-19 chưa ổn định, kiểm soát được nên bị đơn còn gặp khó khăn và chưa thể chi trả khoản công nợ này cho nguyên đơn. Sau buổi làm việc này, đại diện phía bị đơn là ông Võ Thiện H – Phòng hành chính đã có trả lời email của nguyên đơn là sẽ làm “Biên bản thỏa thuận thanh toán hàng tháng” có chữ ký, dấu mộc của Giám đốc V và sẽ gửi cho Công ty kèm giấy tờ xác nhận công nợ. Nhưng sau đó là sự im lặng từ phía bị đơn; theo đó, nguyên đơn chưa nhận được bất kỳ Biên bản hay phản hồi nào từ bị đơn cũng như động thái thanh toán số tiền còn nợ của nguyên đơn.

Nguyên đơn vẫn tiếp tục tương tác, nhắc nhở thì đến tháng 01 năm 2021, ông Võ Thiện H đã email phản hồi lại cho rằng V vẫn đang còn phải chịu các khó khăn từ dịch COVID-19 và hứa sẽ chi trả các khoản thanh toán sau đợt dịch vào năm 2022. Đến năm 2022, V lại tạm ngưng hoạt động nhưng không thông báo. Nguyên đơn đã email liên hệ cũng như đến trực tiếp văn phòng V tại 240 L, Phường C, Quận A, TP H để thu hồi số tiền V còn nợ. Tuy nhiên, V đã thay đổi nhân sự cũ, người nắm tình hình công nợ cũ là bà Nguyễn Thu T - Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của V lại cố tình tránh mặt; nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ, từ tháng 05/2023 đến tháng 10/2023, nhưng bà T không có động thái thương lượng hay trao đổi nào liên quan đến số tiền V còn nợ nguyên đơn. Vào ngày 23/10/2023, nguyên đơn có gửi văn bản lần cuối đến V nhằm tìm kiếm sự hữu hảo, thương lượng giải quyết số tiền V còn nợ nhưng phía V vẫn kiên quyết im lặng. Xét thấy, quá trình hợp tác, nguyên đơn đã tuân thủ quy định của Hợp đồng nhưng V lại vi phạm trong một thời gian dài, gây ảnh hưởng nặng nề cho hoạt động của nguyên đơn.

Vì vậy, để pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nguyên đơn Công ty Cổ phần X đã khởi kiện vụ án đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xem xét tuyên: Buộc bị đơn Công ty TNHH Dịch vụ - Du lịch V thanh toán một lần và toàn bộ số tiền 138.771.390 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn ba trăm chín mươi đồng), trong đó 109.073.734 đồng là số tiền nợ gốc, 29.697.656 đồng là số tiền lãi đối với số tiền nợ gốc quá hạn. Yêu cầu bị đơn thanh toán ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[3.1] Xét, về số nợ gốc :

Bị đơn đã được triệu tập, tổng đạt các văn bản tham gia vụ án hợp lệ tuy nhiên không có mặt, không nộp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét, tại gạch đầu dòng thứ 2 mục 3.2 Điều 3 Hợp đồng Hợp đồng dịch vụ số 266/2018-VG/VIETSUN ngày 07/12/2018, có nêu: “Thời hạn thanh toán tối đa là 30 ngày (kể cả ngày lễ, thứ 7 và chủ nhật) kể từ ngày cuối cùng phát sinh chi phí.

Theo căn cứ Điều 513 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Hợp đồng dịch vụ là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cung ứng dịch vụ thực hiện công việc cho bên sử dụng dịch vụ; Bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ theo thỏa thuận*”.

Tại khoản 2 Điều 515 quy định nghĩa vụ của bên sử dụng dịch vụ: “*2. Trả tiền cho bên cung ứng dịch vụ theo thỏa thuận*”

Tại khoản 1 Điều 519 quy định trả tiền dịch vụ: “*Bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ theo thỏa thuận*”.

Xét tại email xác nhận công nợ và khát nợ ngày 24/12/2019 của bị đơn thông báo qua email (thư điện tử) là do đổi nhân sự nên việc thanh toán bị chậm lại và sau đó không có phản hồi thêm về lịch thanh toán đối với nguyên đơn thể hiện bị đơn có nợ tiền cung cấp dịch vụ của nguyên đơn.

Xét, theo căn cứ tại Điều 10 Luật Giao dịch điện tử năm 2005 quy định về Hình thức thể hiện thông điệp dữ liệu: “*Thông điệp dữ liệu được thể hiện dưới hình thức*

trao đổi dữ liệu điện tử, chứng từ điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức tương tự khác”.

Theo căn cứ tại Điều 11 của Luật Giao dịch điện tử quy định: “Thông tin trong thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì thông tin đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu”.

Từ những phân tích trên đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch và trao đổi thống nhất về khoản công nợ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn Công ty TNHH Dịch vụ - Du lịch V phải thanh toán số tiền nợ gốc là 109.073.734 đồng.

[3.2] Xét, về yêu cầu số tiền lãi trên số tiền nợ gốc của nguyên đơn:

Số tiền lãi nguyên đơn tính theo công thức sau:

Số hóa đơn	Ngày HĐ	Giá trị hóa đơn	Hạn thanh toán	Số tháng quá hạn đến ngày 30/11/2023	Tiền lãi
0000916	18/10/2019	19.172.159	18/11/2019	49	5.401.756
0000916	25/12/2019	63.401.965	25/01/2020	47	17.134.381
Khoản công nợ chưa có Hóa đơn	31/12/2019	26.499.610	31/01/2020	47	7.161.529
Cộng		109.073.734			29.697.656
Tổng tiền nợ					138.771.390

$NG \times (LS/12 \times 1,5) \times T$

Trong đó: - NG là dư nợ gốc quá hạn chưa trả theo quy định

- LS là lãi suất vay được quy định trong hợp đồng tính theo năm; tại thời điểm tính là 4,6%/ năm (theo mức lãi suất mà Ngân hàng V công bố ngày 23/10/2023). Năm tính là 12 tháng

- 1,5 là căn cứ khoản 1 Điều 468 bộ luật Dân sự 2015

- T là thời gian quá hạn phải trả nợ

Xét, tại gạch đầu dòng thứ 3 mục 3.2 Điều 3 Hợp đồng Hợp đồng dịch vụ số 266/2018-VG/VIETSUN ngày 07/12/2018, có nêu: “Bên B (Công ty TNHH Dịch vụ - Du lịch V) sẽ chịu tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng N tại Thành phố H công bố tại thời điểm thanh toán cho những khoản trả chậm”.

Xét, nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 4,6%/năm và mức phạt 1,5 lần tương đương 150% trên số tiền nợ gốc là phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Tại Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2019 quy định:

Điều 5. Xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015:

2. Hợp đồng vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì lãi, lãi suất được xác định như sau:

a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời hạn vay chưa trả lãi trên nợ gốc tại thời điểm xác lập hợp đồng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và

có tranh chấp thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ.

Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = (nợ gốc chưa trả) x (lãi suất theo thỏa thuận hoặc 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc).

c) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% mức lãi suất vay do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Mức lãi suất trên nợ gốc quá hạn do các bên thỏa thuận không được vượt quá 150% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất do các bên thỏa thuận hoặc 150% lãi suất vay do các bên thỏa thuận) x (thời gian chậm trả nợ gốc).

Từ các viện dẫn trên, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu số tiền lãi trên số tiền nợ gốc của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[3.3] Xét, về nghĩa vụ thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ nêu trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Căn cứ Điều 280, 466 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền 138.771.390 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn ba trăm chín mươi đồng) một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3.4] Tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3 đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở pháp lý được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 280, Điều 466, Điều 468, các Điều 513, 515, 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2019;

Căn cứ Điều 10, Điều 11 Luật Giao dịch điện tử năm 2005;

Căn cứ Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn Công ty TNHH Dịch vụ - Du lịch V có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ là 138.771.390 (Một trăm ba mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn ba trăm chín mươi) đồng, trong đó 109.073.734 đồng là số tiền nợ gốc, 29.697.656 đồng là số tiền

lãi tính trên số tiền nợ gốc quá hạn. Yêu cầu bị đơn thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền đã nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng N tại thành phố H công bố tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chậm thanh toán mà các bên đã thỏa thuận ký kết tại Hợp đồng dịch vụ số 266/2018-VG/VIETSUN ngày 07/12/2018.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Công ty TNHH Dịch vụ - Du lịch V phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 6.938.570 đồng. Hoàn trả lại Công ty Cổ phần X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.469.285 đồng theo Biên lai thu số AA/2023/0002391 ngày 26/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Quy định cụ thể tại Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

- Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.3;
- Chi cục THA dân sự Q.3;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Phạm Văn Tuấn